TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Xuân
2. Ông Tô Văn Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ K, sinh năm: 1991.
Trú tại: số 444 Xóm 9, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Anh Lê Văn B, sinh năm: 1987.
Trú tại: Tổ 2, thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ông : Lê Trọng C – Luật sư Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.
Trú tại: số 60 Trần Quang K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Tất cả các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ K trình bày: Chị và anh Lê Văn B tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, sống chung với nhau và có con trước khi kết hôn. Đến ngày 06/02/2017 anh, chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chị và anh B sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng anh chị thường xuyên cải nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh B đi làm không đưa tiền cho chị trả nợ, trong khi nợ lãi vay mượn ngày càng cao mà một mình chị trả nợ nên vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn nhau. Vợ, chồng anh chị sống ly thân nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Anh B đưa con về quê anh B sinh sống. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn B.

- Về con chung: Chị K khai vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Quỳnh A, sinh ngày: 26/02/2016. Nguyện vọng của chị K xin được nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành. Chị K khai hiện nay chị có nghề nghiệp ổn định, chị làm nghề tóc, có thu nhập cao đủ nuôi sống bản thân và con, chị K không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị K khai vợ chồng tự giải quyết.

- Về nợ chung: Chị K khai vợ chồng không có nợ chung.

* Bị đơn anh Lê Văn B trình bày: Anh thống nhất với lời khai của chị K về thời gian, điều kiện kết hôn. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không phải như vậy, bởi vì vợ anh ngoại tình với người khác mặc dù anh không có bằng chứng nhưng anh biết là có. Nay vợ anh cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị K.

- Về con chung: Anh B thống nhất vợ chồng anh chị có 01 con chung như chị K trình bày là cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2016. Anh B có nguyện vọng xin được nuôi con chung đến 18 tuổi, trưởng thành. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn nhau anh B đã đưa cháu A về sống với anh tại quê nhà của anh từ tháng 3/2019 đến nay. Đã lâu chị K không gọi điện, không đến thăm nom con, khi Tòa án gọi hòa giải chị K về Quảng Nam cũng 06 lần, nhưng chỉ thăm con được 03 lần. Con của anh hiện đang ổn định cuộc sống cùng với anh. Anh B khai anh có công việc làm ổn định, có thu nhập cao, đủ nuôi con đến khi lớn khôn. Anh B không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh B thống nhất vợ chồng tự giải quyết.

- Về nợ chung: Anh B thống nhất vợ chồng không có.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Lê Trọng C trình bày: Là luật sư bảo vệ quyền lợi ích của nguyên đơn, ông C thấy hiện nay chị K và anh B đã thống nhất ly hôn, đề nghị Tòa án ghi nhận. Đối với con chung là cháu Lê Quỳnh A là con gái và mới hơn 3 tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa để đảm bảo cho quyền lợi của người phụ nữ vất vả về việc sinh con và chăm con từ nhỏ, bản thân chị K cũng có công việc và thu nhập tốt nên tôi đề nghị Tòa giải quyết cho chị K được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về tài sản chung, nợ chung và con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì thấy: Hiện nay cháu A đang sống với anh B. Anh B đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt cho sự phát triển bình thường của cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày 26/02/2016 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị K không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Lê Văn B cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ K và anh Lê Văn B là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06/02/2017. Sau khi kết hôn, chị K và anh B đều xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị K là do anh B không đưa tiền cho chị K để trả nợ. Còn theo anh B mâu thuẫn là do chị K ngoại tình. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng chị K vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn và anh B thống nhất, yêu cầu tòa án cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ K và anh Lê Văn B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị K anh B thống nhất có 01 con chung tên là: Lê Quỳnh A, sinh ngày: 26/02/2016. Chị K và anh B đều mong muốn được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con. Anh B và chị K đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Con chung thì có một, chỉ khi nào vợ chồng anh, chị sống chung với nhau mới có thể cả hai cùng trực tiếp nuôi con. Nhưng nay anh chị ly hôn thì chỉ giao cho một người được trực tiếp nuôi con. Từ ngày anh chị ly thân nhau, cháu Quỳnh A hiện nay đang sống với anh B. Bản thân anh B có công việc và thu nhập ổn định. Ngoài ra, trong gia đình anh B còn có cha, mẹ anh B có thể giúp đỡ việc nuôi nấng cháu Quỳnh A. Trong thời gian ly thân vừa qua anh B cũng đã nuôi nấng cháu Quỳnh A tử tế, cháu Quỳnh A sống tốt và phát triển bình thường, học tập như những đứa trẻ khác. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện và ổn định môi trường sống cho cháu Quỳnh A. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, giao cháu Lê Quỳnh A cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy anh B có công việc có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị K và anh B thống nhất tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị K và anh B thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ K phải chịu số tiền: 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị K đã nộp theo biên lại thu số 0021196 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 2; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mỹ K và anh Lê Văn B. Chị Lê Thị Mỹ K được ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Lê Quỳnh A, sinh ngày: 26/02/2016 cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Lê Thị Mỹ K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Chị K anh B thống nhất tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị K và anh B thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Mỹ K phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị K đã

nộp theo biên lại thu số số 0021196 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành